

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM VĂN CHUNG

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Mã số: 60.31.05

Tóm tắt luận văn Thạc sĩ Kinh tế

Đà Nẵng – Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS TRƯƠNG SĨ QUÝ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng, vào ngày..... tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng**
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Qua hơn 25 năm (1986-2011), thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thế giới phát triển không ổn định, nguy cơ khủng hoảng luôn hiện diện. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tốc độ phát triển cao trong thời gian dài. Trong đó, nền nông nghiệp là chỗ dựa quan trọng cho kinh tế Việt Nam. Trên nền tảng tự chủ của kinh tế nông hộ đã hình thành và phát triển kinh tế trang trại được đầu tư vốn, lao động với trình độ công nghệ và quản lý ngày càng cao, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Trong những năm qua, kinh tế trang trại ở Bình Định nói chung, huyện Hoài Nhơn nói riêng đã tạo ra bước chuyển biến mới trong nông nghiệp, nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng đồi núi trọc, đất hoang, diện tích mặt nước để tạo ra vùng sản xuất với khối lượng hàng hoá nông, lâm, thuỷ sản có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, phát triển kinh tế trang trại ở huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn: phát triển mang tính tự phát; trình độ của chủ trang trại thấp, việc tiếp thu khoa học công nghệ còn hạn chế; chưa nắm bắt được nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm; Bên cạnh đó, việc triển khai các chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế trang trại còn chậm và chưa đồng bộ... gây khó khăn cho các trang trại đầu tư và mở rộng quy mô phát triển sản xuất.

Xuất phát từ những lý do trên, phát huy lợi thế của huyện để phát triển kinh tế trang trại đúng hướng và bền vững thì việc nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn về trang trại từ đó đề ra các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hoài Nhơn là rất cần thiết. Tôi quyết định chọn đề tài “*Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*”.

2. Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống hoá cơ sở lý luận về phát triển kinh tế trang trại. Đánh giá tình hình thực trạng phát triển sản xuất, kinh doanh của trang trại, từ đó đề ra giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Phát triển kinh tế trang trại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Các trang trại trên địa bàn huyện Hoài Nhon.

- Về thời gian: Các giải pháp đề ra ở tầm 5-10 năm, tương ứng với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

4. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Phương pháp thống kê; Phương pháp nhân quả; Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp.

5. Đóng góp mới của luận văn

Về lý luận: Hệ thống hoá lý luận về các điều kiện để hình thành và phát triển kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường, trang trại và sản phẩm hàng hoá. Vai trò kinh tế, xã hội và môi trường của trang trại.

Về thực tiễn: Từ thực trạng kinh tế trang trại của huyện đề xuất được một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục; luận văn gồm 3 chương được phân bố như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế trang trại.

Chương 2: Thực trạng phát triển sản xuất kinh doanh của các trang trại ở huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định.

Chương 3: Giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1.1. Khái niệm về trang trại, kinh tế trang trại

Trang trại là một đơn vị kinh doanh nông nghiệp, được phát triển trên cơ sở kinh tế hộ gia đình nông dân, với mục đích chính là sản xuất hàng hoá.

Theo Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại như sau: “Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng, gán sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thuỷ sản”.

Để thuận lợi cho việc nghiên cứu đề tài, trong khuôn khổ nội dung nghiên cứu tác giả xin đưa ra cách xác định kinh tế trang trại như sau: Kinh tế trang trại là đơn vị hoạt động kinh doanh độc lập trong nông, lâm, ngư nghiệp, lao động chủ yếu là thành viên trong gia đình, quy mô tương đối lớn, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm tạo ra nhiều hàng hoá nông sản và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đề tài nghiên cứu tập trung phần lớn vào trang trại thuộc sở hữu tư nhân (trang trại kinh tế gia đình).

1.1.2. Đặc trưng của kinh tế trang trại

a. Sản xuất mang tính hàng hoá nông nghiệp: Kinh tế trang trại chủ yếu là sản xuất ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ nông, lâm và ngư nghiệp ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu của thị trường.

b. Trình độ chuyên môn hoá, tập trung hoá: Quy mô sản xuất, vốn đầu tư, trang thiết bị, lao động... lớn hơn nhiều với kinh tế hộ và tạo ra khối lượng hàng hoá. Mặc khác, do mục tiêu chính là lợi nhuận nên phải đi vào chuyên môn hoá, tập trung hoá.

c. Trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật: Đầu tư để trang bị và áp dụng những kỹ thuật mới cho việc sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cho sản phẩm. Chỉ có như vậy, kinh tế trang trại mới sản xuất ra khối lượng hàng hoá có sức cạnh tranh trên thị trường.

d. Mối quan hệ với thị trường: Chủ trang trại phải luôn tìm hiểu, nghiên cứu thị trường trong và ngoài vùng, từ đó tìm ra xu hướng nhu cầu của thị trường để có chiến lược sản xuất kinh doanh và marketing cho sản phẩm hàng hoá của trang trại mình.

e. Chủ trang trại - nhà kinh doanh: Chủ trang trại là người có đầu óc tổ chức kinh doanh, biết hoạch toán lỗ, lãi, có khao khát và tham vọng làm giàu.

1.1.3. Các loại hình trang trại [17]

+ Hộ kinh doanh cá thể (“doanh nghiệp gia đình”) trong nông nghiệp chính là kinh tế nông hộ hay chính là trang trại gia đình sản xuất hàng hoá (Farmhousehold).

+ Doanh nghiệp cá nhân kinh doanh nông nghiệp chính là trang trại cá nhân (Solefarm) sản xuất nông sản hàng hoá.

+ Công ty hợp danh kinh doanh nông nghiệp chính là trang trại hợp danh (Farming Partnership).

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh nông nghiệp chính là trang trại hữu hạn (Farming Company limited).

+ Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp chính là trang trại cổ phần (Farming Corporation), chịu trách nhiệm hữu hạn.

+ Nông, lâm, trường quốc doanh, các công ty Nhà nước kinh doanh nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản chính là trang trại Nhà nước (State Farm), do Nhà nước đầu tư và làm chủ sở hữu từ 51% vốn sở hữu của doanh nghiệp trở lên.

1.1.4. Vai trò của kinh tế trang trại

a. Về mặt kinh tế: Phát triển kinh tế trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá cao, khắc phục dần tình trạng phân tán, tạo nên những vùng chuyên môn hoá cao. Mặt khác, kinh tế trang trại thúc đẩy phần phát triển công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn. Phát triển kinh tế trang trại đi đôi với việc khai thác, sử dụng một cách đầy đủ và hiệu quả các loại nguồn lực trong nông nghiệp

b. Về mặt xã hội: Phát triển kinh tế trang trại góp phần quan trọng làm tăng số hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm tăng thêm thu nhập cho lao động; góp phần thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn; tạo tấm gương cho các hộ nông dân về cách tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh.

c. Về môi trường: Phát triển kinh tế trang trại đã góp phần khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng có hiệu quả. Trang trại góp phần tăng nhanh diện tích rừng che phủ, đa dạng hoá sinh học thông qua trồng và bảo vệ rừng.

1.1.5. Chỉ tiêu để xác định kinh tế trang trại

Theo Nghị quyết 03/2000/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê ban hành Thông tư liên bộ số 69/2000/TTLT/BNN-TCTK ngày 23/6/2000 và Thông tư liên bộ số 74/TT-BNN ngày 04 tháng 7 năm 2003 về hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại.

1.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.2.1 Khái niệm về phát triển kinh tế trang trại: là sự gia tăng thực tế giá trị sản lượng hàng hoá nông sản sản xuất ra hay thu nhập trên trang trại trong một thời kỳ nhất định. Đồng thời, phát triển kinh tế trang trại là một quá trình hoàn thiện về chất của phát triển sản

xuất trang trại với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trình độ của chủ trang trại được nâng cao, tạo việc làm ở khu vực nông thôn, môi trường sinh thái, thể chế... theo hướng hiện đại, trong một thời gian nhất định nhằm phát triển kinh tế trang trại bền vững.

1.2.2. Các nhân tố tác động đến phát triển kinh tế trang trại

1.2.2.1. Các yếu tố tạo môi trường: Thuận lợi về điều kiện tự nhiên; Sự phát triển của thị trường; Sự thừa nhận của pháp luật và hỗ trợ của Nhà nước; Cơ sở hạ tầng; Hỗ trợ từ công nghiệp; Khát vọng và ý chí làm giàu của chủ trang trại.

1.2.2.2. Các nhân tố tác động đến đầu vào: Khả năng tích tụ đất đai; Khả năng tích lũy vốn; Nguồn cung ứng lao động phù hợp; Trình độ ứng dụng công nghệ và quản lý của chủ trang trại.

1.2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu ra: Nhu cầu thị trường; Tình hình cạnh tranh trên thị trường; Giá cả nông sản; Khả năng liên kết tạo ra “chuỗi giá trị” nông sản.

1.2.3. Chỉ tiêu đánh giá trình độ phát triển kinh tế trang trại

Giá trị sản lượng hàng hoá nông sản; Tốc độ tăng giá trị sản lượng hàng hoá nông sản; Tỷ lệ đóng góp của kinh tế trang trại; Quy mô sử dụng các nguồn lực sản xuất; Tỷ lệ sử dụng các nguồn lực sản xuất; Hiệu quả sử dụng nguồn lực vào sản xuất; Sự chuyển dịch về cơ cấu.

1.3. SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.4. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ, PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

1.4.1. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

- Các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất
- Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất: Hiệu quả sản xuất trên chi phí; Hiệu quả sử dụng đất; Hiệu quả sử dụng lao động.

1.4.2. Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp so sánh; Phương pháp thống kê mô tả; Phương pháp SWOT; Phương pháp phân tử.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở
HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý, đặc điểm địa hình và thổ nhưỡng

a. Vị trí địa lý: Hoài Nhơn là huyện ven biển phía Bắc tỉnh Bình Định: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi; Phía Nam giáp huyện Phù Mỹ; Phía Đông giáp Biển đông; Phía Tây giáp huyện Hoài Ân và An Lão.

b. Đặc điểm địa hình: Hoài Nhơn nằm trong vùng đồng bằng ven biển phía Bắc của tỉnh Bình Định, có địa hình thoải dần từ Tây sang Đông, dạng địa hình đồng bằng, dạng địa hình đồi núi thấp.

c. Thổ nhưỡng: Trong phạm vi huyện Hoài Nhơn có 9 nhóm đất, trong đó các loại đất thuận lợi cho sản xuất là đất phù sa, đất xám bạc màu.

2.1.1.2. Điều kiện thời tiết khí hậu, thủy văn

- Khí hậu: Chia làm 2 mùa rõ rệt, gồm mùa khô và mùa mưa.

- Thủy văn: Sông Lại Giang, chảy qua địa bàn huyện Hoài Nhơn rồi đổ ra cửa biển An Dũ. Đây là con sông lớn nằm ở phía nam huyện, có lưu lượng bình quân $58,6\text{m}^3/\text{s}$.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Tình hình dân số, lao động của huyện Hoài Nhơn

- *Hiện trạng dân số:* Dân số năm 2010 là 206.691 người, mật độ dân số 4.996 người/ km^2 . Tốc độ tăng dân số trung bình toàn huyện là $0,11\%0/\text{năm}$.

- *Hiện trạng và cơ cấu lao động theo ngành:* Năm 2010 cho thấy toàn huyện có 110.327 người trong độ tuổi lao động, chiếm 53,4% dân số. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp là 76.871 người, chiếm 72,6% so với số lao động đang làm việc, trong đó lao động trong nông nghiệp chiếm là chủ yếu.

2.1.2.2. Tình hình sử dụng đất đai của huyện Hoài Nhơn

Diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 41.369 ha. Đất sản xuất

nông nghiệp năm 2010 là 16.314,2 ha (chiếm 39,3%), đất lâm nghiệp là 13.720,2 ha (chiếm 33,2%). Diện tích đất chuyên dùng, đất dân cư hàng năm tăng là quy hoạch phát triển hạ tầng cơ sở và khu dân cư mới. Diện tích đất chưa sử dụng giảm hàng năm trên 8%.

2.1.2.3. Cơ sở hạ tầng của huyện Hoài Nhơn

-Đường giao thông: Hoài Nhơn có các tuyến giao thông quan trọng đi qua gồm cả đường bộ và đường sắt thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

-Hệ thống thủy lợi: Hoài Nhơn có 46 công trình thủy lợi lớn nhỏ đang khai thác sử dụng, đảm bảo tưới 13.632 ha gieo trồng, chiếm 75,6% diện tích gieo trồng.

-Cấp điện: Lưới điện của huyện đã hoà vào lưới điện Quốc gia, mạng lưới điện đã phát triển rộng với 100% số xã, thị trấn với trên 99% số hộ dân sử dụng điện và 87% mạng lưới điện an toàn.

-Thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc ở huyện khá hoàn chỉnh, có 15 bưu điện văn hoá xã và 5 bưu cục, có 6 mạng điện thoại di động, bình quân 106 máy điện thoại/1000 người.

2.1.2.4. Một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế huyện Hoài Nhơn

Thời gian qua, kinh tế huyện có tốc độ tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm địa phương tăng bình quân 10,4%/năm, giá trị sản xuất tăng 13,58%/năm. Trong đó, nông-lâm- thủy sản tăng 9,04%/năm, công nghiệp tăng 20,3%/năm, thương mại-dịch vụ tăng 25,37%/năm.

Cơ cấu kinh tế và cơ cấu trong nội bộ từng ngành chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, phát huy lợi thế và nhu cầu thị trường. Năm 2010, tỷ trọng nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 59,8%, giảm 10,6% so năm 2006. Trong đó, nông nghiệp chiếm 44,7%, lâm nghiệp chiếm 2,5%, thủy sản chiếm 52,8%; tỷ trọng công nghiệp chiếm 20,8%, tăng 4,3% so năm 2006; tỷ trọng dịch vụ chiếm 19,3%, tăng 6,3% so năm 2006.

Sản lượng lương thực tăng bình quân 1,54%/năm, tương đương hàng năm tăng trên 1.200 tấn lương thực. Thu nhập bình quân đầu người 15,4 triệu đồng/người/năm, tăng 2,39 lần so năm 2006 và bình quân tăng 24,4%/năm.

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Hoài Nhơn

a. Về thuận lợi: Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo UBND tỉnh, huyện về phát triển kinh tế trang trại; Ngành nông nghiệp có chương trình phát triển kinh tế trang trại. Địa bàn huyện nằm ở vị trí thuận lợi có đường Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam đi qua và là trung tâm phát triển kinh tế-xã hội phía Bắc tỉnh Bình Định; chuyển dịch kinh tế của huyện đúng hướng, quá trình CHH-HĐH nông nghiệp, nông thôn thực hiện có hiệu quả; cơ sở hạ tầng từng bước phát triển; lực lượng lao động dồi dào và cần cù, ham học hỏi và có ý chí làm giàu từ sản xuất nông nghiệp.

b. Về khó khăn: Tình hình thời tiết khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, sâu bệnh, dịch bệnh phát sinh ngày một khó lường đã ảnh hưởng đến trực tiếp đối tượng sản xuất của trang trại; Thị trường nông sản giá cả thiếu ổn định; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; Công nghiệp chế biến phục vụ đầu vào, đầu ra cho phát triển kinh tế trang trại chưa được quan tâm; Diện tích đất bình quân đầu người thấp và manh mún; Lao động có trình độ chuyên môn thấp; Môi trường nông thôn ngày càng bị ô nhiễm.

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN HOÀI NHON

2.2.1. Số lượng các loại hình kinh tế trang trại

Năm 2010, huyện có 94 trang trại, tăng 53 trang trại so với năm 2006 và tốc độ tăng bình quân từ giai đoạn năm 2006-2010 là 23,05%/năm; Trong khi so với tỉnh bình quân là 2,7%/năm. Loại hình kinh tế trang trại tổng hợp và thuỷ sản tăng nhanh nhất, tốc độ bình quân hàng năm từ 43,9% đến 54,85%/năm và chiếm cơ cấu lớn trong tổng số trang trại. Do giá tôm thương phẩm bán cao và người nuôi tôm áp dụng kỹ thuật vào thâm canh. Trang trại trồng cây lâu năm có tốc độ giảm bình quân nhiều nhất hàng năm 13,06%, đến năm 2010 chỉ còn 12 trang trại.

Nhìn chung số lượng trang trại phát triển nhanh trong thời gian qua; Việc hình thành và phát triển kinh tế trang trại phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, thói quen, kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ; cơ cấu các loại hình kinh tế trang trại có sự thay đổi theo.

2.2.2. Tình hình phân bố các loại hình trang trại

Xã Hoài Hải có số lượng trang trại lớn nhất với 23 trang trại (chiếm 24,5%), tiếp đến là xã Hoài Sơn 19 trang trại (chiếm 20,1%); xã Hoài Phú, thị trấn Tam Quan có từ 1-2 trang trại (chiếm 1-2%). Các loại hình trang trại phân bố phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên thể hiện rõ ở 3 khu vực: các xã ở ven núi có diện tích đất rừng lớn nên số lượng trang trại lâm nghiệp; các xã, thị trấn đồng bằng với đất chặt, người đông và nhu cầu thị trường tiêu thụ hàng ngày lớn nên phát triển chăn nuôi; các xã ven biển với lợi thế vùng đầm nước lợi thuận lợi nuôi trồng thủy sản.

Tóm lại, loại hình kinh tế trang trại phân bố phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên để tận dụng phát huy lợi thế phát triển sản xuất các cây, con nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2.3. Về quy mô các nguồn lực sản xuất của trang trại

2.2.3.1. Về quy mô đất đai của trang trại

Năm 2010, đất sử dụng của trang trại là 672,56 ha, chiếm 4,1% so tổng diện tích đất nông nghiệp ở huyện; tăng 2,04 lần so năm 2006, với tốc độ tăng bình quân là 19,51%/năm. Trong đó, đất lâm nghiệp, đất mặt nước tăng nhanh, với tốc độ tăng bình quân từ 30,3% đến 33,2%/năm, diện tích đất nông nghiệp giảm với tốc độ bình quân hàng năm là 4,1%.

Quy mô dưới 2,5 ha là 46 trang trại, chiếm 48,9% tổng số trang trại, chủ yếu là trang trại chăn nuôi và thủy sản. Quy mô từ 2,5 đến 5 ha, có 5 trang trại (chiếm 5,3%); quy mô từ 5 đến 10 ha, có 20 trang trại (chiếm 21,3%); quy mô từ 10 đến 20 ha, có 15 trang trại (chiếm 16%); quy mô diện tích trên 20 ha, có 8 trang trại (chiếm 8,5%); quy mô trên 10 ha/trang trại chủ yếu trang trại tổng hợp và lâm nghiệp.

Tóm lại: Diện tích đất sử dụng cho sản xuất trang trại tăng

nhanh. Quy mô sử dụng đất của từng loại hình kinh tế trang trại phụ thuộc vào đối tượng sản xuất.

2.2.3.2. Về quy mô lao động của trang trại

Lao động sử dụng trong trang trại năm 2010 là 982 lao động, tăng 193,3% so năm 2006, tốc độ tăng bình quân 17,9%/năm. Trong đó, lao động làm thường xuyên tăng nhanh và bình quân 30,1%/năm. Xét bình quân lao động trên một trang trại: Năm 2010 là 10,45 lao động, giảm 1,94 lao động so năm 2006. Trong đó, lao động của chủ trang trại là 2,19 lao động, lao động thuê làm thường xuyên là 0,98 lao động, lao động thuê làm theo thời vụ là 7,28 lao động. Xét về cơ cấu lao động sử dụng của trang trại qua các năm không có nhiều biến động lớn.

Tóm lại: Lao động sử dụng của trang trại tăng nhanh cùng với sự phát triển số lượng trang trại. Tuy nhiên, bình quân số lao động cho một trang trại giảm, thể hiện trình độ ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất của trang trại ngày càng tăng. Lao động thuê làm việc theo thời vụ cần nhiều lao động nhất, nên trang trại cần bố trí xen canh, gối vụ để chủ động lao động và giảm áp lực khi vào mùa vụ sản xuất.

2.2.3.3. Về quy mô vốn của trang trại

Năm 2010, vốn đầu tư của trang trại là 21.957,5 triệu đồng, tăng 3,92 lần so năm 2006, tốc độ tăng bình quân là 40,7%/năm. Trong đó, trang trại trồng cây lâu năm là giảm 5,4%/năm. Vốn đầu tư của trang trại chăn nuôi và thuỷ sản tăng nhanh nhất, tốc độ bình quân 57-77%/năm. Xét về vốn bình quân của một trang trại: năm 2010 là 233,6 triệu đồng, tăng 96,9 triệu đồng so năm 2006. Trong đó, vốn đầu tư bình quân của trang trại chăn nuôi lớn nhất 436,1 triệu đồng và thấp nhất là trang trại lâm nghiệp, trồng cây lâm năm từ 130-140 triệu đồng.

Tóm lại: Huy động vốn đầu tư của các chủ trang trại ngày càng tăng; quy mô vốn đầu tư ở các trang trại có sự khác nhau rất lớn và phụ thuộc vào đối tượng sản xuất kinh doanh của trang trại.

2.2.4. Về quy mô, trình độ sản xuất hàng hoá của trang trại

Năm 2010, giá trị sản xuất của các trang trại là 14.907 triệu đồng,

tăng gấp 6,7 lần so năm 2006 và tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2006-2010 là khá cao với 61%/năm; so tốc độ tăng bình quân các trang trại ở tỉnh Bình Định, giai đoạn 2006-2010 là 29,7%/năm. Trong đó, trang trại nuôi trồng thủy sản tăng cao nhất với tốc độ bình quân 70,55%/năm và chiếm 44,32% tổng giá trị sản xuất. Trang trại trồng cây lâu năm trong năm qua hầu như không tăng. Bình quân một trang trại tạo giá trị sản xuất hàng hoá trang trại năm 2010 là 177,64 triệu đồng, tăng 117,09 triệu đồng so năm 2006.

Biểu 2.1. Giá trị sản xuất hàng hoá của trang trại giai đoạn 2006-2010

Năm	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó					
				Cây hàng năm	Cây lâu năm	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Thủy sản	Tổng hợp
2006	Giá trị	Tr.đg	2.482,5	-	316,80	554,50	171,40	874,8	565
	BQ/TT	Tr.đg	60,55	-	15,09	110,90	42,85	124,9	141,3
	Cơ cấu	%	100	-	12,76	22,34	6,90	35,2	22,7
2007	Giá trị	Tr.đg	9.317	85,00	805,00	2.820	213,00	4.190	1.204
	BQ/TT	Tr.đg	117,94	85,00	20,64	256,36	71,00	209,5	240,8
	Cơ cấu	%	100	0,91	8,64	30,27	2,29	44,9	12,92
2008	Giá trị	Tr.đg	9.714	90,00	886,00	2.760	235,00	4.322	1.421
	BQ/TT	Tr.đg	122,9	90,00	22,72	250,91	78,33	216,1	284,2
	Cơ cấu	%	100	0,93	9,12	28,41	2,42	44,49	14,63
2009	Giá trị	Tr.đg	14.516	130,00	448,00	4.939	938,00	5.251	2.810
	BQ/TT	Tr.đg	156,09	65,00	23,58	235,19	85,27	218,79	175,6
	Cơ cấu	%	100	0,90	3,09	34,02	6,46	36,17	19,36
2010	Giá trị	Tr.đg	16.698	124,00	320,00	3.589	1.398,00	7.401	3.866
	BQ/TT	Tr.đg	177,64	124,00	26,67	276,08	93,20	296,04	168,1
	Cơ cấu	%	100	0,74	1,92	21,49	8,37	44,32	23,15
So sánh	(10/06)	%	672,63		101,01	647,25	815,64	846,0	684,25
	BQ	%	161,04		100,25	159,50	169,00	170,55	161,73

Nguồn: Chi cục Thống kê Hoài Nhơn

Năm 2006, giá trị sản xuất hàng hoá của các trang trại chỉ chiếm 0,58%, đến năm 2010 là 2,33%. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 của ngành nông nghiệp 13,92%/năm và trang trại là rất cao 61,04%/năm.

Tóm lại: Quy mô và trình độ sản xuất hàng hoá của trang trại có tốc độ tăng trưởng nhanh và ngày càng đóng góp quan trọng vào giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp.

2.2.5. Về thu nhập của trang trại

Thu nhập của trang trại năm 2010 là 9.317,6 triệu đồng, bình quân là 99,12 triệu đồng/trang trại; so với năm 2006 tăng 6,41 lần và tốc độ tăng trưởng bình quân là 59,12%/năm. Trong đó, thu nhập bình quân của trang trại chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản cao nhất là 157,4 đến 168,69 triệu đồng/trang trại. Nhưng xét về tốc độ tăng trưởng bình quân về thu nhập thì trang trại lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản là cao nhất là 67,7% đến 70,6%/năm. Trang trại trồng cây lâu năm có tốc độ tăng trưởng bình quân về thu nhập là thấp nhất là 2,5%/năm.

2.3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TRANG TRẠI HUYỆN HOÀI NHON

2.3.1. Thực trạng huy động và sử dụng các nguồn lực đầu vào sản xuất kinh doanh của trang trại

2.3.1.1. Tình hình huy động các nguồn lực

a. Về đất đai: Đất của trang trại sử dụng là 672,56 ha, diện tích đất bình quân 7,15 ha/trang trại. Trong đó, đất của trang trại tổng hợp là lớn nhất 358,48 ha, chiếm 53,5% tổng diện tích đất trang trại và bình quân 15,59 ha/trang trại; đất bình quân trang trại chăn nuôi nhỏ nhất là 0,25 ha/trang trại và trang trại thủy sản là 0,88 ha/trang trại. Diện tích đất của trang trại có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 241,86 ha, chiếm 35,96% tổng diện tích.

b. Về lao động: Lao động sử dụng các trang trại là 982 lao động, bình quân 10,45 lao động/trang trại. Lao động thường xuyên là 298 lao động (chiếm 30,35%) bình quân 3,17 lao động/trang trại. Trong đó, lao động chủ trang trại là 206 lao động, bình quân 2,19 lao động/trang trại,

lao động thuê ngoài 92 lao động và bình quân 0,98 lao động/trang trại. Lao động thuê làm theo thời vụ là 684 lao động và bình quân 7,28 lao động/trang trại. Lao động làm việc thường xuyên ở trang trại trồng trọt là thấp nhất, bình quân 2-2,56 lao động/trang trại, trang trại tổng hợp cao nhất là bình quân 4,13 lao động/trang trại.

Xét về chất lượng lao động còn thấp và lớn tuổi: Chủ trang trại là cán bộ 20 người, chiếm 21,3% tổng số. Chủ trang trại có trình độ văn hoá hết cấp I là 34 người (chiếm 36,2%), chủ trang trại có trình độ chuyên môn 21 người (chiếm 22,3%); chủ trang trại phần lớn có độ tuổi từ 45-60 tuổi.

c. Về huy động vốn đầu tư: Vốn đầu tư sản xuất các trang trại trên 48,8 tỷ đồng, bình quân là 519,2 triệu đồng/trang trại; vốn tự có 434,5 triệu đồng/trang trại, vốn vay là 38,6 triệu đồng/trang trại và nguồn vốn khác là 46,1 triệu đồng/trang trại. Trong đó, trang trại nuôi trồng thủy sản cao nhất là 619,3 triệu đồng/trang trại, trang trại trồng cây hàng năm có nguồn vốn đầu tư thấp nhất là từ 200-240 triệu đồng/trang trại.

Tóm lại: Các trang trại huy động các nguồn lực để phát triển sản xuất tăng nhanh. Tuy nhiên, diện tích chưa giao quyền còn lớn, chất lượng lao động thấp, vốn vay còn hạn chế.

2.3.1.2. Hiệu quả sản xuất của trang trại.

a. Về vốn: Một đồng chi phí bình quân của các trang trại tạo ra 1,51 đồng giá trị sản xuất. Trong đó, kinh tế trang trại lâm nghiệp đạt cao nhất là 2,63 đồng; trang trại chăn nuôi thấp nhất là 1,39 đồng.

b. Về lao động: Bình quân một lao động sử dụng trong một trang trại tạo ra giá trị sản xuất 63,16 triệu đồng/năm và tạo ra thu nhập là 21,39 triệu đồng/năm. Trong đó, trang trại chăn nuôi cao nhất là 284,13 triệu đồng/lao động/năm, thu nhập 79,63 triệu đồng/lao động/năm, tiếp

đến nuôi trồng thủy sản. Lao động của trang trại trồng cây tạo ra giá trị sản xuất thấp nhất dưới 8 triệu đồng/lao động/năm.

c. *Về đất đai*: Một ha đất sử dụng của trang trại tạo giá trị sản xuất là 92,22 triệu đồng/năm và thu nhập là 31,23 triệu đồng/năm. Đất đai sử dụng trong trang trại chăn nuôi tạo ra giá trị sản xuất là cao nhất là 4.806,85 triệu đồng/ha/năm, thu nhập là 1.347,15 triệu đồng/ha/năm. Đất đai sử dụng của trang trại lâm nghiệp tạo ra giá trị sản xuất thấp nhất là 8,03 triệu đồng/ha/năm và thu nhập là 4,98 triệu đồng/ha/năm.

Biểu 2.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại năm 2010

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng	Phân các loại hình trang trại					Tổng hợp
			Cây hàng năm	Cây lâu năm	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Thủy sản	
1. Hiệu quả giá trị SXKD ra tính trên IC								
GO/IC	Lần	1,51	1,71	1,92	1,39	2,63	1,49	1,63
VA/IC	Lần	0,51	0,71	1,00	0,39	1,63	0,49	0,63
2. Hiệu quả sử dụng lao động								
GO/LĐ	Tr.đg	63,16	19,04	7,49	284,13	7,20	158,06	34,88
VA/LĐ	Tr.đg	21,39	7,94	3,89	79,63	4,47	51,85	13,51
3. Hiệu quả sử dụng đất								
GO/ha	Tr.đg	92,22	101,16	12,88	4806,95	8,03	1173,	33,86
VA/ha	Tr.đg	31,23	42,16	6,70	1347,15	4,98	384,83	13,11

Nguồn: Số liệu điều tra

2.3.2. Thực trạng giải quyết đầu ra cho hàng hoá nông sản của trang trại

2.3.2.1. Tình hình tổ chức tiêu thụ: Hàng hoá nông sản của trang trại chủ yếu bán cho nhà máy chế biến công nghiệp chiếm 87% số lượng hàng hoá. Trang trại chăn nuôi lợn tiêu thụ 98% số lượng lợn nuôi qua trung gian. Trang trại lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản bán

trực tiếp cho nhà máy chế biến ở huyện từ 25-30%.

2.3.2.2. Vấn đề liên kết trong tiêu thụ: Các chủ trang trại liên kết trong tiêu thụ sản phẩm ở huyện còn rất yếu. Hầu hết các chủ trang trại chưa có hợp đồng với các nhà máy chế biến tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác, các chủ trang trại chưa liên kết với nhau để tạo ra chuỗi giá trị nông sản, nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm bớt sự ép giá, ép cấp của người mua, nhất là giá bán tôm thương phẩm.

2.4. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

2.4.1. Những mặt tích cực

Phát triển kinh tế trang trại huyện Hoài Nhơn đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ở nông thôn góp phần phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường. Các chủ trang trại đã huy động nguồn vốn đáng kể để hình thành và phát triển trang trại, với lượng vốn đầu tư 48.807 triệu đồng. Trong đó, vốn tự có của chủ trang trại chiếm 83,7%, đây là yếu tố quyết định đảm bảo duy trì và phát triển kinh tế trang trại trong thời gian đến. Quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất của các trang trại là do tự khai hoang là chủ yếu. Một phần đáng kể các chủ trang trại tích tụ trên cơ sở mua hoặc thuê lại của người dân. Các trang trại đã phủ xanh đất trống, đồi trọc, khai phá đất hoang. Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được của các trang trại trên cùng một điều kiện có thu nhập vượt trội so với hộ nông dân. Phát triển kinh tế trang trại đã góp phần nâng cao trình độ người lao động, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Bình quân một trang trại giải quyết việc làm thường xuyên là 3,17 lao động và không thường xuyên là 7,27 lao động.

2.4.2. Những khó khăn, hạn chế tác động đến sự phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Hoài Nhơn

- Để khởi sự phát triển kinh tế trang trại, các chủ trang trại cần

phải có tích lũy một lượng vốn ban đầu nhất định. Thiếu vốn đang hiện là vấn đề bức xúc đối với các trang trại và là vấn đề thời sự trong nông nghiệp nông thôn ngày nay.

-Lao động sử dụng trong trang trại chủ yếu là nông dân tuy có nhiều kinh nghiệm thực tế trong sản xuất, nhưng thiếu kiến thức kỹ thuật, tổ chức quản lý và kiến thức thị trường để điều hành hoạt động trang trại có hiệu quả.

-Các trang trại ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và thông tin thị trường đầu vào, đầu ra còn rất hạn chế.

-Các trang trại chưa liên kết, liên doanh hợp tác với nhau, cũng như với các nhà khoa học, nhà chế biến tiêu thụ và nhà quản lý.

-Công tác quy hoạch và cơ sở hạ tầng ở vùng kinh tế trang trại đang phát triển còn yếu kém như mạng lưới điện, hệ thống thủy lợi...

Chương 3

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. QUAN ĐIỂM CHUNG

-Tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại đã được nêu trong Nghị quyết TW VI (lần 1), Nghị quyết 03/2000/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp ở nông thôn, được hình thành và phát triển trên nền tảng kinh tế hộ gia đình.

-Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, khuyến khích mọi cá nhân, hộ gia đình trong và ngoài huyện tham gia phát

triển kinh tế trang trại.

-Phát triển các loại hình hoạt động trang trại theo đúng quy hoạch, góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh, chuyên dịch, cơ cấu kinh tế nông nghiệp đúng hướng, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

-Triển khai thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại đồng bộ, khuyến khích làm giàu chính đáng của chủ trang trại và đảm bảo quyền lợi của người lao động làm thuê, hạn chế phân hoá giàu nghèo.

3.2. NHỮNG TIỀN ĐỀ CHO VIỆC XÂY DỰNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

Để tiếp tục phát huy vai trò của kinh tế trang trại trong thời gian đến, trên cơ sở thực hiện các chương trình hành động của huyện về phát triển nông nghiệp, nông thôn từ nay đến 2015 và định hướng 2020, định hướng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện theo những hướng chủ yếu sau đây: Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, phát huy thế mạnh từng vùng gắn với sản xuất, chế biến và tiêu thụ thị trường. Phát triển kinh tế trang trại cả về số lượng, chất lượng và quy mô trên cơ sở phát huy hiệu quả của các trang trại hiện có. Tăng cường năng lực cho các chủ trang trại để trang trại.

Tóm lại: Định hướng cụ thể phát triển kinh tế trang trại trong thời gian đến chủ yếu dựa vào lợi thế từng vùng để hình thành các vùng sản xuất tập trung hướng theo nhu cầu thị trường, được phân vùng như sau:

-Tập trung trồng rừng sản xuất phía Tây huyện ở các xã Hoài Đức, Bồng Sơn, Hoài Tân, Hoài Hảo, Hoài Phú, Hoài Sơn. Diện tích rừng trồng sản xuất của các trang trại đến năm 2015 là trên 1.550 ha. Quy mô bình quân một trang trại có từ 10-15 ha.

-Phát triển đàn bò đến năm 2015 trên 35.000 con, trong đó bò lai

chiếm 75% tổng đàn, qui mô bình quân trên 50 con/trang trại, tập trung chăn nuôi ở các xã phía Tây huyện.

-Quy hoạch và đưa vào sử dụng khu chăn nuôi tập trung ở thôn Đệ Đức, xã Hoài Tân là 21 ha, nâng đàn lợn phát triển đến năm 2015 trên 200.000 con, lợn lai hướng nạc chiếm 85-90%, quy mô bình quân 1.500 lợn thịt/trang trại.

-Phát triển vùng nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh phía Đông huyện là 220 ha, tập trung ở các xã Hoài Mỹ, Hoài Hải, Tam Quan Bắc, đưa sản lượng tôm nuôi đến năm 2015 trên 2.500 tấn.

3.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỰA TRÊN VIỆC PHÂN TÍCH CƠ HỘI-ĐE DOẠ VÀ ĐIỂM MẠNH-ĐIỂM YẾU

Từ ma trận SWOT và các cặp kết hợp có thể rút ra các định hướng chung sau đây

- (1). Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ và đa dạng hoá sản phẩm.
- (2). Ứng dụng những giống cây trồng-vật nuôi mới có năng suất cao, phẩm chất tốt phù hợp với điều kiện của địa phương vào sản xuất.
- (3). Tiếp tục hỗ trợ và tạo vốn cho các chủ trang trại.
- (4). Tăng cường mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, đào tạo chuyên môn kỹ thuật, kiến thức thị trường và trình độ quản lý.
- (5). Đẩy mạnh công tác chuyển giao và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất ở trang trại.

3.4. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.4.1. Giải pháp chung

3.4.1.1. Giải pháp về vốn: Vốn là một yếu tố rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển của các trang trại. Để chủ động và tích lũy được nguồn vốn đầu tư mở rộng sản xuất, các chủ trang trại cần có cách giải quyết riêng bằng cách đầu tư lấy ngắn nuôi dài từ cây trồng đến con

nuôi, vay mượn từ mối quan hệ người thân... Giải quyết quan hệ chủ trang trại và các tổ chức tín dụng chính thức bằng cách liên kết với nhà chế biến tiêu thụ sản phẩm; giám sát, sàng lọc, chi phí ẩn trong giao dịch. Chủ trang trại cần nâng cao hiểu biết về cơ chế, chính sách tín dụng và khả năng xây dựng phương án kinh doanh khả thi để vay vốn tín dụng. Về phía nhà làm chính sách: Nhanh chóng thiết lập địa vị pháp lý đến các chủ trang trại. Đồng thời, cụ thể hoá Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng nông nghiệp, nông thôn.

3.4.1.2. Giải pháp đào tạo, huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ và quản lý trang trại và lao động: Nguồn nhân lực của trang trại có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển trang trại. Một là, nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật cho các chủ trang trại. Hai là, phát triển chất lượng nguồn nhân lực của các trang trại, đồng thời cần có chương trình về tổ chức tốt việc đào tạo nghề phù hợp cho một bộ phận lao động làm thuê, nhất là bộ phận lao động kỹ thuật. Mặt khác, mỗi xã, thị trấn cần xây dựng tủ sách về kỹ thuật sản xuất cây trồng, vật nuôi ở địa bàn mình, cũng như sách về quản lý sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chủ trang trại tranh thủ thời không ngừng tham gia các khoá tập huấn, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ và có giải pháp thu hút cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn giỏi về làm việc ổn định lâu dài.

3.4.1.3. Giải pháp về đất đai: Đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng hàng đầu trong nông nghiệp nói chung và cho các trang trại nói riêng. Hoàn thiện việc quy hoạch sử dụng đất từng vùng; Khắc phục tình trạng manh mún đất đai để làm tiền đề tích lũy đất mở rộng quy mô và từng bước ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất trong trang trại. Chính sách khuyến khích các chủ trang trại khai thác, sử dụng đất trồng, đất đồi, đất hoang để phát triển kinh tế trang trại.

3.4.1.4. Giải pháp liên quan đến thị trường

-Đối với các chủ trang trại: Thường xuyên tự đào tạo và tham gia các khoá đào tạo được hỗ trợ của ngành chuyên môn về kiến thức kinh tế, thông tin thị trường; Định hướng phát triển trang trại trên cơ sở nhu cầu thị trường; Phân tích và kiên trì trước những biến động giá của thị trường, tránh trường hợp giá cả thị trường biến động thay đổi đối tượng sản xuất để đáp ứng nhu cầu trước mắt; Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các trang trại, giữa trang trại và các ngành công nghiệp chế biến trên cơ sở cam kết theo nguyên tắc hợp đồng.

-Đối với những nhà làm chính sách: Đây mạnh công tác tổ chức xúc tiến thương mại, thông tin thị trường; Nhà nước đóng vai trò trung gian giữa chủ trang trại với các doanh nghiệp chế biến; Xây dựng, tổ chức và quản lý các đại lý, trung tâm, hợp tác xã cung cấp đầu vào và các chợ đầu mối tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các trang trại.

3.4.1.5. Giải pháp về chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh tế trang trại: Tổ chức tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; xây dựng liên minh, liên kết và đầu tư công nghệ để hỗ trợ các trang trại áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ giống, kỹ thuật mới vào sản xuất và thu hoạch sản phẩm.

3.4.1.6. Giải pháp về cơ sở hạ tầng: Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng đến các vùng sản xuất đảm bảo trang trại hoạt động có hiệu quả; tăng mức hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng của nhà nước.

3.4.1.7. Giải pháp về việc chia sẻ rủi ro và hợp tác giữa các trang trại: Tăng cường liên minh, liên kết phát triển sản xuất giữa các trang trại và thực hiện bảo hiểm cây trồng, vật nuôi.

3.4.2. Giải pháp cụ thể cho loại hình kinh tế trang trại

3.4.2.1. Đối với trang trại trồng cây hàng năm: Các công thức

trồng cây thâm canh và xen canh đã được Trạm Khuyến nông xây dựng cho hiệu quả cao. Vụ Đông Xuân (cây lúa) – Vụ Hè Thu (cây lạc xen mỳ); Vụ Đông Xuân (cây lúa) – Vụ Hè Thu (lạc) – Vụ Mùa (ngô); Vụ Đông Xuân (dưa hấu) – Vụ Hè Thu (lạc xen mỳ).

3.4.2.2. Đối với trang trại trồng cây lâu năm và lâm nghiệp: Cải tạo vườn điều bằng cách cải tạo cây nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho chủ trang trại áp dụng trồng xen cây hàng năm và cây lâu năm.

3.4.2.3. Đối với trang trại chăn nuôi: Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung ở các xã phía Tây huyện xa khu dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển sản xuất theo hướng khép kín. Trang trại chăn nuôi động vật hoang dã, chủ trang trại cần hoàn thiện giấy phép và nuôi các động vật có nhu theo thị trường lâu dài.

3.4.2.4. Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch hệ thống cấp nước, xử lý nước xả; quy hoạch một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm với đầu tư hạ tầng hoàn thiện; xây dựng và nhân rộng mô hình Chi Hội nuôi tôm cộng đồng để thực hiện đồng bộ các quy trình kỹ thuật, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.4.2.5. Đối với trang trại tổng hợp: Cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, xác định đối tượng nào là chính để có đầu tư phù hợp, xác định lịch thời vụ để giảm ảnh hưởng của thời tiết và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Phát triển sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có hiệu quả trong cơ chế thị trường hiện nay thì loại hình kinh tế trang trại gia đình đã được khẳng định nhiều quốc gia trên thế giới cũng như ở nước ta. Từ năm 2000, Chính phủ ta đã thừa nhận vai trò to lớn của loại hình kinh tế

này và có nhiều chính sách khuyến khích phát triển như chính sách đất đai, tín dụng, hỗ trợ khoa học công nghệ... để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển.

Qua số liệu điều tra, khảo sát của ngành nông nghiệp đã cho thấy loại hình kinh tế trang trại ở huyện Hoài Nhơn ngày một phát triển cả về số lượng, quy mô và tăng thu nhập cho người nông dân, đây là nhân tố quan trọng để giải quyết những vấn đề của nông thôn hiện nay.

-Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, các trang trại đang sử dụng 672,56 ha. Các trang trại tích cực khai hoang đất trống, đòi trợ để sử dụng. Ngoài ra, trang trại còn thuê đất của những hộ gia đình không có nhu cầu sử dụng đất kém hiệu quả để đầu tư mở rộng sản xuất.

-Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhân rỗi, với tổng nguồn vốn là 48.807 triệu đồng. Trong đó, vốn tự có của các chủ trang trại là 40.843 triệu đồng, chiếm 83,6% tổng nguồn vốn đầu tư.

-Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn 982 lao động, trong đó 298 lao động có việc làm thường xuyên; hầu hết lao động làm việc trong các trang trại là lao động phổ thông.

-Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; trình độ sản xuất của nông dân từng bước được nâng cao; bảo vệ môi trường sinh thái... góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững ở nông nghiệp, nông thôn. Mặt khác, trang trại tạo ra sản phẩm nông sản phong phú về chủng loại và số lượng, từng bước hình thành các vùng chuyên canh.

Tuy nhiên, các trang trại đạt được những kết quả nêu trên là chủ yếu dựa vào sự năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và sự bươn chải với ý chí làm giàu của các chủ trang trại. Sự hỗ trợ từ chính sách Nhà nước và từ phía chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế; những tồn tại của các trang trại hiện nay là:

-Thông tin, giá cả thị trường đầu vào, đầu ra chưa ổn định làm cho các chủ trang trại định hướng sản xuất gặp nhiều khó khăn và hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với tiềm năng.

-Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của các chủ trang trại, nhất là các trang trại thủy sản làm dịch bệnh thường xuyên xảy ra.

-Trình độ học vấn, chuyên môn của chủ trang trại và người lao động ở các trang trại thấp, ảnh hưởng đến việc chuyên môn hoá và chuyển giao kỹ thuật trong sản xuất gặp nhiều khó khăn.

-Tiếp cận được nguồn vốn của ngân hàng gặp rất nhiều để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất của các chủ trang trại.

2. Kiến nghị

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại ngày một phát triển, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

-Thường xuyên đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng cho các chủ trang trại và người lao động về kỹ thuật, kiến thức quản lý và kỹ năng chuyên môn.

-Xây dựng mô hình thí điểm phát triển trang trại và nhân rộng phát triển thị trường bảo hiểm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

-Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại để giúp trang trại tiếp cận các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

-Xúc tiến và hỗ trợ thành lập các liên minh, câu lạc bộ trang trại để hỗ trợ nhau về những vấn đề liên quan trong sản xuất, nhất là khâu tiếp cận thị trường giúp trang trại phát triển sản xuất hiệu quả hơn.

-Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ tín dụng, cơ sở hạ tầng, quảng bá sản phẩm và chuyển giao tiếp bộ kỹ thuật... cho các chủ trang trại phát triển sản xuất.